

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày: 02-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Út

Bà Nguyễn Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Đỗ Minh N, sinh ngày 09/9/1996 tại huyện K, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ 13, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T (chết) và bà Đỗ Ánh T, sinh năm 1967; Tiền án: Không, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị bắt giữ khẩn cấp ngày 10/01/2019 chuyển tạm giữ từ ngày 11/01/2019 đến ngày 16/01/2019 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bị hại: Bà **Trương Tú A**, sinh năm 1963. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 2A, khu phố L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đỗ Ánh T**, sinh năm 1967. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 13, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng: Chị **Trần Thị Quý T**, sinh năm 1982. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 15 phút ngày 05/01/2019 Lê Đỗ Minh N, sinh ngày 09/9/1996 trú tại tổ 13, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang cùng 01 đối tượng (chưa rõ nhân thân) điều khiển xe mô tô đi tìm Kiều Sơn T (Tự là H), sinh năm 1991, trú tại khu phố L, thị trấn K, huyện K thì gặp bà Trương Tú A (là mẹ ruột của T) đang điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 68K1-170.95 đến tiệm thuốc tây Thu A thuộc tổ 4, khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên N điều khiển xe đến hỏi bà Tú A rằng T đi đâu nhưng bà Tú A không biết. Ngay sau đó, bà Tú A đi vào tiệm thuốc tây để mua thuốc, vẫn còn gắn chìa khóa trên xe. N lợi dụng lúc bà Tú A không trông giữ tài sản nên đã lấy xe mô tô của bà Tú A điều khiển sang Casino Campuchia cầm được 8.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đến ngày 09/01/2019 N xảy ra mâu thuẫn với chị Võ Thị Minh T, sinh năm 1993, trú khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên N đã đập điện thoại di động nhãn hiệu OPPO FS1 của chị T, chị T trình báo Công an, công an tiến hành mời N lên làm việc, N đã thừa nhận hành vi đập phá điện thoại di động của chị T ngày 09/01/2019 và chiếm đoạt xe mô tô của bà Tú A ngày 05/01/2019.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu trắng, biển kiểm soát 68K1-170.95, số máy 5C6H260442, số khung RLCS5C6H0GY260434, đã qua sử dụng (Vật chứng do bị can Lê Đỗ Minh N đem cầm cố tại Campuchia, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không thu giữ được).

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO F1S, màu kem, đã qua sử dụng (đã trao trả cho chủ sở hữu)

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/BKL-HĐĐGTS ngày 31/01/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K kết luận:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu trắng, biển kiểm soát 68K1-170.95, số máy 5C6H260442, số khung RLCS5C6H0GY260434, đã qua sử dụng có giá trị 10.000.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng, nhãn hiệu OPPO F1S, màu kem, đã bị vỡ có giá trị 1.550.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKSKL ngày 26/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương đã truy tố bị cáo Lê Đỗ Minh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Lê Đỗ Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản” với mức hình phạt từ 9 tháng đến 12 tháng.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, số tiền còn lại đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả 5.000.000 đồng.

Bà Trương Tú A yêu cầu bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng, yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bà Đỗ Ánh T không yêu cầu bị cáo trả lại 5.000.000 đồng đã bồi thường thay cho bị cáo và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 18 giờ 15 phút ngày 05/01/2019 khi bà Trương Tú A quay mặt vào tiệm thuốc tây để mua thuốc thì Lê Đỗ Minh N đã lén lút lấy xe mô tô biển kiểm soát 68K1-170.95 của bà Trương Tú A đang đậu tại Tổ 4, khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh K đem sang Casino Campuchia cầm được số tiền 8.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Theo kết luận định giá xe mô tô biển kiểm soát 68K1 – 173.95 có giá trị 10.000.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lê Đỗ Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định tội “Trộm cắp tài sản”

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.”

Xét hành vi của bị cáo là cố ý, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác là trái pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Vì vậy cần áp dụng mức án tương xứng với hành vi bị cáo gây ra nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo khai báo thừa nhận hành vi lấy xe nhưng không biết đó là hành vi trộm cắp (Bà Trương Tú A đã quay mặt vào mua thuốc). Đến phần lời nói sau cùng bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bản thân bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần tổn thất cho người bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo chưa có tiền án tiền sự nên áp dụng thêm điểm b, i khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với hành vi bị cáo hủy hoại tài sản của chị Minh T chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện Kiên Lương đã quyết định xử phạt hành chính tại Quyết định số 07/QĐ-XPVPHC ngày 05/3/2019 là phù hợp.

[2] Tính hợp pháp trong quá trình tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Điều tra viên đã thực hiện đúng các trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra. Kiểm sát viên đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình trong quá trình kiểm sát điều tra, truy tố bị cáo đúng người đúng tội và đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị và quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã khai báo toàn bộ sự việc và nhận biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bà Trương Tú A số tiền 5.000.000 đồng. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà Tú A số tiền 5.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Lê Đỗ Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Đỗ Minh N **09 (chín) tháng** tù. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn tù từ ngày 10/01/2019.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Đỗ Minh N bồi thường cho bà Trương Tú A số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/5/2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA Dân sự K;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diễm